

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2009

V/v: Đơn đốc việc kê khai
tài sản, thu nhập

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

Thực hiện Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 13410/BGDĐT-TCCB ngày 24/12/2009 về việc triển khai thực hiện.

Theo quy định, việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2007 (kê khai lần đầu) phải hoàn thành trước ngày 15/01/2008, nhưng tính đến nay (15/3/2009), mới có 42 đơn vị trực thuộc (trong đó có 21 đơn vị sự nghiệp) thực hiện và báo cáo việc kê khai tài sản thu nhập lần đầu theo yêu cầu trên (có danh sách kèm theo).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ, Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 3/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định. Quá trình thực hiện lưu ý một số nội dung sau:

I. Kê khai lần đầu và kê khai bổ sung năm 2008

1) Căn cứ quy định về đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ, Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 3/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ, các đơn vị tiến hành rà soát, bổ sung vào danh sách (*hoặc lập danh sách nếu chưa lập*) những cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị mình thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập để quản lý, theo dõi.

2) Căn cứ các quy định về kê khai, xác minh tài sản, thu nhập tại Nghị định 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ, các đơn vị các đơn vị tổ chức việc kê khai, xác minh tài sản năm 2008.

- Đối với những người đến năm 2008 mới bắt đầu thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ và những người thuộc diện đối tượng quy định tại Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 3/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ thì năm 2008 chỉ kê khai tài sản thu nhập lần đầu.

- Đối với những người từ năm 2007 đã thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập và đã kê khai lần đầu thì phải kê khai bổ sung theo quy định; nếu đến nay vẫn chưa kê khai lần đầu thì phải kê khai lần đầu ngay và đồng thời kê khai bổ sung theo quy định.

II. Tổng hợp kết quả kê khai, xác minh tài sản, thu nhập năm 2008

1) Các đơn vị đã báo cáo năm 2007: tiếp tục báo cáo kết quả kê khai tài sản thu nhập năm 2008 theo Quyết định 85/2008/QĐ-TTg ngày 3/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn 2443/TTCP-CIV ngày 10/11/2008 của Thanh tra Chính phủ (theo mẫu gửi kèm theo).

2) Các đơn vị chưa báo cáo năm 2007

- Tiếp tục báo cáo kết quả việc kê khai tài sản thu nhập năm 2007 (kê khai lần đầu) theo hướng dẫn tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007;

- Thực hiện báo cáo kết quả kê khai tài sản thu nhập năm 2008 theo Quyết định 85/2008/QĐ-TTg ngày 3/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn 2443/TTCP-CIV ngày 10/11/2008 của Thanh tra Chính phủ (theo mẫu gửi kèm theo).

Thời hạn nộp các báo cáo trên chậm nhất là ngày 26/3/2009 để Bộ tổng hợp báo cáo Thanh tra Chính phủ trước ngày 31/3/2009.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTg, Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Bành Tiên Long

09601569

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ
ĐÃ HOÀN THÀNH VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN LẦN ĐẦU
(Tính đến ngày 15/3/2009)**

(Kèm theo Công văn số: 2262/BGDĐT-TCCB ngày 13/3/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1 | Văn phòng Bộ | |
| 2 | Vụ Tổ chức cán bộ | |
| 3 | Vụ Kế hoạch - Tài chính | |
| 4 | Thanh tra Bộ | |
| 5 | Vụ Công tác học sinh, sinh viên | |
| 6 | Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường | |
| 7 | Vụ Hợp tác Quốc tế | |
| 8 | Vụ Giáo dục Quốc phòng | |
| 9 | Vụ Giáo dục Dân tộc | |
| 10 | Vụ Giáo dục Mầm non | |
| 11 | Vụ Giáo dục Tiểu học | |
| 12 | Vụ Giáo dục Trung học | |
| 13 | Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp | |
| 14 | Vụ Giáo dục Đại học | |
| 15 | Vụ Giáo dục Thường xuyên | |
| 16 | Vụ Pháp chế | |
| 17 | Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | |
| 18 | Cục Công nghệ thông tin | |
| 19 | Cục Nhà giáo và Cán bộ Quản lý cơ sở Giáo dục | |
| 20 | Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, Đồ chơi trẻ em | |
| 21 | Cục Đào tạo với nước ngoài | |
| 22 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 | |
| 23 | Trường Đại học Thương Mại | |
| 24 | Trường Đại học Ngoại thương | |
| 25 | Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh | |
| 26 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | |

0960 1569

| | | |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------|
| 27 | Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh | |
| 28 | Trường Đại học Tây Nguyên | |
| 29 | Trường Đại học SPKT Hưng Yên | |
| 30 | Trường Đại học Cần Thơ | |
| 31 | Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương | |
| 32 | Đại học Huế | Đề nghị báo cáo số liệu cụ thể |
| 33 | Trường Đại học Sư phạm TĐTT TP Hồ Chí Minh | |
| 34 | Trường Dự bị Đại học TP Hồ Chí Minh | |
| 35 | Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn | |
| 36 | Trường Hữu nghị 80 | |
| 37 | Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam | |
| 38 | Học Viện Quản lý Giáo dục | |
| 39 | Trường Cán bộ QLGD&ĐT TP Hồ Chí Minh | |
| 40 | Tạp chí Giáo dục | |
| 41 | Trung tâm Đào tạo Khu vực của Seameo tại Việt Nam | |
| 42 | Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 | |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

09601569

TÊN ĐƠN VỊ:....

**THÔNG KÊ KẾT QUẢ KÊ KHAI, XÁC MINH, KẾT LUẬN, CÔNG KHAI
KẾT QUẢ XÁC MINH VỀ TÀI SẢN VÀ THU NHẬP
(NĂM)**

| TT | NỘI DUNG | SỐ LIỆU | | | |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| | | Tổng | Tại khối cơ quan bộ, ngành | Tại các đơn vị trực thuộc bộ, ngành | Tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước và các đơn vị khác thuộc phạm vi QLNN |
| | Việc triển khai thực hiện. | | | | |
| 1 | Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức phải kê khai tài sản, thu nhập (lần đầu hoặc bổ sung) | | | | |
| 2 | Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai thực hiện việc kê khai tài sản | | | | |
| | Kết quả kê khai, xác minh | | | | |
| 3 | Tổng số người phải kê khai lần đầu trong năm | | | | |
| 4 | Tổng số người đã kê khai lần đầu trong năm | | | | |
| 5 | Tổng số người phải kê khai bổ sung trong năm | | | | |
| 6 | Tổng số người đã kê khai bổ sung trong năm | | | | |
| 7 | Số người đã được xác minh về tài sản, thu nhập trong năm (Bao gồm xác minh theo quy định tại Chương III Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và xác minh theo yêu cầu của công tác tổ chức cán bộ). | | | | |
| 8 | Số người đã được công khai kết quả xác minh về tài sản, thu nhập | | | | |
| 9 | Số người đã có kết luận về kê khai không trung thực | | | | |
| 10 | Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai không trung thực | | | | |
| | Đánh giá kết quả thực hiện và xử lý vi phạm | | | | |
| 11 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập (tính đến 31/12) | | | | |
| 12 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị phê bình hoặc xử lý kỷ luật do không hoàn thành nhiệm vụ trong việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập | | | | |

Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ

MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 2442 /2007/TT-TTCP
ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ)

ÁP DỤNG CHO KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP TỪ LẦN THỨ HAI

(bao gồm tài sản của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên)

- Họ và tên người kê khai tài sản, thu nhập:
- Chức vụ/chức danh công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

| STT | Loại tài sản | Thông tin mô tả về tài sản | |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Nhà, công trình xây dựng | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | + Loại nhà + Diện tích: m ² + Địa chỉ: + Có giấy chứng nhận quyền sở hữu không: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Từ nhà thứ 2 trở đi thì cũng kê khai như nhà thứ nhất. | |
| 2 | Quyền sử dụng đất | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | + Loại đất: + Diện tích: m ² + Địa chỉ: + Có giấy chứng nhận quyền sử dụng không: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Từ thửa đất thứ 2 trở đi thì cũng kê khai như thửa đất thứ nhất. | |
| 3 | Tài sản ở nước ngoài | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | 3.1. Động sản Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> + Tên: + Số lượng: 3.2. Bất động sản: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> + Tên: + Địa chỉ: | |
| 4 | Tài khoản nước ngoài | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | - Ngân hàng mở tài khoản: - Số dư tài khoản tại thời điểm kê khai: | |

09601569

| | | | |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| | | - Số dư tài khoản tại thời điểm có giá trị cao nhất: | |
| 5 | Thu nhập | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | - Lương: /tháng - Thu nhập khác (nếu có) | |
| 6 | Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | - Chung loại, nhãn hiệu: - Số lượng: | |
| 7 | Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | Tổng giá trị ước tính: | |
| 8 | Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | 8.1. Tiền mặt: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Số lượng: | |
| | | 8.2. Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng ...); Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Tổng giá trị: | |
| | | 8.3. Cổ phiếu: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Mệnh giá: Số lượng: Giá mua thực tế tại thời điểm mua: | |
| | | 8.4. Trái phiếu: Có <input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Tổng giá trị | |
| 9 | Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. | Không có biến động phải kê khai | |
| | | Có biến động phải kê khai | |
| | | - Tên: - Số lượng: | |

....., ngày.... tháng ... năm
 Người kê khai tài sản, thu nhập
 (Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP*(Ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ)***ÁP DỤNG CHO KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU****1. Người kê khai tài sản, thu nhập:**

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/vị trí công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/vị trí công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập:**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên:.....
- Tuổi:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

3.2. Con thứ hai:

| TT | Loại tài sản | Thông tin mô tả về tài sản | Thông tin về biến động tài sản | |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| | | | Biến động giảm | Biến động tăng |
| I | Tài sản, thu nhập của bản thân (bao gồm tài sản riêng, thu nhập của bản thân và tài sản, thu nhập chung với vợ/chồng) | | | |
| 1 | Nhà, công trình xây dựng khác | <p>1.1. Nhà/công trình xây dựng thứ nhất :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: - Diện tích đất, diện tích đất xây dựng, diện tích sử dụng: - Số tầng (tầng): - Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng: <p>+ Số:</p> <p>+ Cơ quan cấp:</p> <p>+ Ngày cấp:</p> <p><i>(Nếu chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu thì bỏ trống phần này và ghi rõ bên dưới là chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu.</i></p> <p><i>Nếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác thì vẫn điền đầy đủ thông tin vào phần này, ghi rõ là Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác và bổ sung các thông tin về người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Họ và tên: + CMND: số, nơi cấp, ngày cấp. + Hộ khẩu thường trú:) <p>1.2. Nhà/công trình xây dựng thứ 2:</p> <p>.....</p> | | |

| | | | | |
|---|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| | | <p>3.2. Bất động sản</p> <p>3.2.1. Bất động sản thứ nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước có bất động sản: - Loại bất động sản: - Hình thức chuyển quyền sở hữu (<i>mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho...</i>): - Thời điểm nhận quyền sở hữu: - Giá trị bất động tài sản tại thời điểm nhận quyền sở hữu (<i>nếu là bất động sản có được thông qua hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính</i>): <p>3.2.2. Bất động sản 2</p> <p>....</p> | | |
| 4 | Tài khoản ở nước ngoài | <p>4.1. Tài khoản thứ nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng mở tài khoản: - Số tài khoản: - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai: <p>4.2. Tài khoản thứ 2:</p> <p>....</p> | | |
| 5 | Thu nhập từ mức thu nhập chịu thuế trở lên | Tổng thu nhập trong kỳ kê khai tài sản (<i>nếu từ mức chịu thuế thu nhập cá nhân trở lên</i>): | | |
| 6 | Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | <p>6.1. Mô tô (<i>nếu tổng giá trị số mô tô từ 50 triệu đồng trở lên</i>):</p> <p>6.1.1. Mô tô thứ nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chung loại, nhãn hiệu: - Biển số đăng ký: - Người đứng tên đăng ký (<i>trong trường hợp người đứng tên khác với người kê khai tài sản</i>): <p>+ Họ và tên:</p> <p>+ CMND: số, nơi cấp, ngày cấp.</p> | | |

| | | | | |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> + Hộ khẩu thường trú: - Cơ quan cấp đăng ký: - Ngày cấp đăng ký: - Hình thức chuyển quyền sở hữu (mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho): - Thời điểm nhận quyền sở hữu: - Giá trị tại thời điểm nhận quyền sở hữu tài sản (nếu là tài sản có được bằng hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính): - Giá trị ước tính tại thời điểm kê khai: <p>6.1.2. Mô tả thứ 2:</p> <p>6.2. Ô tô (nếu tổng giá trị số ô tô từ 50 triệu đồng trở lên) (Nội dung kê khai như mô tả).</p> <p>6.3. Tàu, thuyền (nếu tổng giá trị số tàu, thuyền từ 50 triệu đồng trở lên) (Nội dung kê khai như mô tả).</p> | | |
| 7 | Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (tổng giá trị của kim khí quý và đá quý từ 50 triệu đồng trở lên). | <p>7.1. Kim khí quý</p> <p>7.1.1. Loại kim khí quý thứ nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chung loại: - Khối lượng, số lượng, chất lượng: - Hình thức chuyển quyền sở hữu (mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho): - Thời điểm nhận quyền sở hữu: - Giá trị tại thời điểm nhận quyền sở hữu tài sản (nếu là tài sản có được bằng hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính): - Giá trị ước tính tại thời điểm kê khai: <p>7.1.2. Loại kim khí quý thứ hai</p> <p>7.2. Đá quý: (Nội dung kê khai như kim khí quý)</p> | | |

| | | | | |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| 8 | <p>Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p><i>(Tổng giá trị tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc và các công cụ chuyển nhượng khác từ 50 triệu đồng trở lên)</i></p> | <p>8.1. Tiền:</p> <p>8.1.1. Tiền mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị: <p>8.1.2. Tiền gửi ngân hàng, tổ chức tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tài khoản: - Ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi tiền: - Số dư tài khoản tại thời điểm kê khai: <p>8.2. Sổ tiết kiệm:</p> <p>8.2.1. Sổ thứ nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi tiết kiệm: - Giá trị tiền gửi : - Ngày gửi: <p>8.2.2. Sổ thứ 2:</p> <p>8.3. Cổ phiếu, trái phiếu:</p> <p>8.3.1. Cổ phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phát hành: - Mệnh giá: - Số lượng: - Giá mua thực tế: <p>8.3.2. Trái phiếu:</p> <p><i>(Nội dung kê khai như cổ phiếu)</i></p> | | |
| 9 | <p>Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Loại tài sản: - Số lượng, khối lượng: - Giá trị: | | |
| II | Tài sản, thu nhập riêng của vợ hoặc chồng | | | |
| III | Tài sản, thu nhập của con chưa thành niên | | | |